

Bản án số: 133/2026/DS-ST

Ngày: 11-3-2026

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Sơn và bà Đặng Thị Phú Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2025/TLST-DS ngày 08-12-2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ trụ sở: Số 226-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn Tâm, sinh năm 1987, Địa chỉ: Số 226-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Minh A, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Khu phố Bình Chương Nam, phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai; Địa chỉ tạm trú: Tổ 4, thôn Văn Thạch, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và bản tự khai của đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/04/2022, ông Trần Minh A có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông A, S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 62.100.809 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến

nay ông A đã thanh toán cho S số tiền 46.222.050 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S) ngày 11/09/2023 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S).

Tính đến ngày 11/3/2026, ông Trần Minh A còn nợ tổng cộng 52.811.994 đồng, gồm: Nợ gốc: 22.625.594 đồng và nợ lãi quá hạn: 30.186.400 đồng.

Vì vậy, S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh A phải trả cho S tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/3/2026 là 52.811.994 đồng (*Năm mươi hai triệu tám trăm mười một nghìn chín trăm chín mươi chín đồng*), gồm: Nợ gốc: 22.625.594 đồng và nợ lãi quá hạn: 30.186.400 đồng.

Buộc ông Trần Minh A có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 12/3/2026 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Bị đơn ông Trần Minh A đã được tổng đạt hợp lệ tại nơi tạm trú các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để ông Trần Minh A biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình, nhưng ông Trần Minh A không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật. Bị đơn được Tòa án tổng đạt thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nhưng không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S; buộc bị đơn ông Trần Minh A phải thanh toán toàn bộ khoản nợ vay còn lại và lãi vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-6407 ngày 04/10/2022, tính đến ngày 11/3/2026 là 52.811.994 đồng (*Năm mươi hai triệu tám trăm mười một nghìn chín trăm chín mươi chín đồng*), gồm: Nợ gốc: 22.625.594 đồng và nợ lãi quá hạn: 30.186.400 đồng.

Buộc ông Trần Minh A có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 12/3/2026 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-6407 ngày 04/10/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Trần Minh A (Nơi ĐKKHKT: Khu phố Bình Chương Nam, phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai; Địa chỉ tạm trú: Tổ 4, thôn Văn Thạch, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng) về việc yêu cầu ông Trần Minh A trả nợ vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Vì vậy, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Minh A không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xác minh tại Công an xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng thì ông Trần Minh A có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Tổ 4, thôn Văn Thạch, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi đăng ký tạm trú của ông Trần Minh A, nhưng ông A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và ông Trần Minh A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[3] Về nội dung:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Ngân hàng TMCP S cung cấp, có đủ cơ sở để xác định ông Trần Minh A đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2298140, ngày 04/10/2022 loại thẻ Visa Classic, số thẻ 472074-6407 với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Gò Vấp – Phòng giao dịch Hoàng Mai theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ông Trần Minh A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2298140 ký ngày 04/10/2022.

Tính đến ngày 11/3/2026, ông Trần Minh A còn nợ Ngân hàng TMCP S theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2298140, ngày 04/10/2022 loại thẻ Visa Classic, số thẻ 472074-6407 số tiền 52.811.994 đồng (*Năm mươi hai triệu tám trăm mười một nghìn chín trăm chín mươi chín đồng*), gồm: Nợ gốc: 22.625.594 đồng và nợ lãi quá hạn: 30.186.400 đồng.

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở và cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH12 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* với bị đơn ông Trần Minh A;

Buộc ông Trần Minh A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S khoản nợ vay và lãi vay tính đến ngày 11/3/2026, số tiền: 52.811.994 đồng (*Năm mươi hai triệu tám trăm mười một nghìn chín trăm chín mươi chín đồng*), gồm: Nợ gốc: 22.625.594 đồng và nợ lãi quá hạn: 30.186.400 đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2298140, ngày 04/10/2022 loại thẻ Visa Classic, số thẻ 472074-6407;

Buộc ông Trần Minh A có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 12/3/2026 theo quy định của Ngân hàng TMCP S đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2298140, ngày 04/10/2022 loại thẻ Visa Classic, số thẻ 472074-6407 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Minh A phải chịu số tiền 2.640.600đ (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn sáu trăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 952.208đ (*Chín trăm năm mươi hai nghìn hai trăm lẻ tám đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0057985 ngày 23-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5-Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Thu Diễm